

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số **1780/QĐ-BNN-KHCN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành các định mức kỹ thuật tạm thời áp dụng cho các mô hình
thuộc dự án khuyến nông lĩnh vực Trồng trọt**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính-Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 38/2011/TT-BNNPTNT ngày 23/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Xét đề nghị của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tại công văn số 272/KN-CGTBKT ngày 17/6/2011, đề nghị của Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long tại công văn số 120/VL-PTSH ngày 26/7/2011 và Biên bản thẩm định ngày 30/5/2011 của Hội đồng thẩm định định mức KTKT áp dụng cho mô hình khuyến nông thành lập theo Quyết định số 993/QĐ-BNN-KHCN ngày 17/5/2011;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành các định mức kỹ thuật tạm thời áp dụng cho các mô hình thuộc dự án khuyến nông Trung ương lĩnh vực Trồng trọt (chi tiết tại 02 phụ lục đính kèm).

Điều 2. Bãi bỏ các quy định tạm thời về định mức kỹ thuật tạm thời áp dụng đối với các mô hình thuộc dự án khuyến nông TW trái với quy định tại Điều 1 Quyết định này.

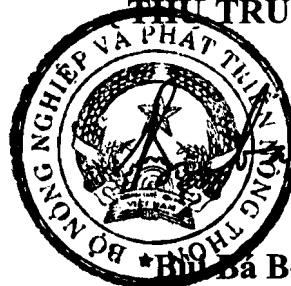
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Thủ trưởng tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án; Giám đốc Trung tâm khuyến nông Quốc gia và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VT, KHCN.

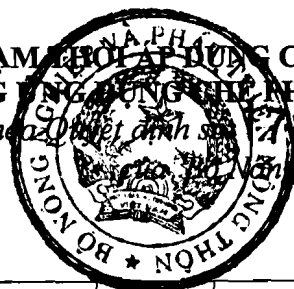
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Bùi Bá Bồng

Phụ lục 1:

ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG CHO MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG VÀ CÁC TỈNH KHU VỰC NHẢM OMETAR TRÊN CÂY LÚA
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 780/QĐ-BNN-KHCN ngày 05 / 8 / 2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

**I/ PHẦN VẬT TƯ**

Tinh cho: 01 ha

Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu chương trình	Mức hỗ trợ		
			Đồng bằng	Trung du, miền núi, bãi ngang	Địa bàn khó khăn, huyện nghèo
Giống					
- Các tỉnh phía Nam	kg	100	100	100	100
- Các tỉnh phía Bắc:					
+ Cây	kg	60-70	60-70	60-70	60-70
+ Hoặc gieo sạ	kg	30-35	30-35	30-35	30-35
Ure	kg	220	66	110	220
Lân Supe	kg	450	135	225	450
Kali clorua	kg	135	40,5	67,5	135
Thuốc trừ cỏ	1.000đ	300	90	150	300
Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	300	90	150	300
Chế phẩm Ometar	kg	3	0,9	1,5	3
Chất bám dính nông dược	lít	1	0,3	0,5	1

II/ PHẦN TRIỂN KHAI

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	tháng	5	
Tập huấn kỹ thuật	lần	1	1 ngày cho một lần tập huấn
Tham quan, hội thảo	lần	1	1 ngày
Tổng kết	lần	1	1 ngày
Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	20	

Phụ lục 2:**ĐỊNH MỨC TẠM THỜI ÁP DỤNG CHO MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG TW
"TRỒNG THÂM CANH CÂY CA CAO TRỌNG VƯỜN DỪA CÓ SẴN"***(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1780 /QĐ-BNN-KHCN ngày 05 / 8 /2011
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)***I/- PHẦN VẬT TƯ***Tính cho: 01 ha*

Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu chương trình	Mức hỗ trợ			
			Đồng bằng	Trung du, miền núi, bãi ngang	Địa bàn khó khăn, huyện nghèo	
Trồng, thâm canh ca cao + dứa						
Năm thứ nhất	Giống ca cao trồng mới	cây	480	480	480	480
	Giống ca cao trồng dặm	cây	20	20	20	20
	Urê	kg	180	54	90	180
	Lân Supe	kg	350	105	175	350
	Kali Clorua	kg	150	45	75	150
	Phân sinh học	lít	8	2,4	4	8
	Vôi bột	kg	500	150	250	500
	Thuốc BVTV	kg/lít	3	0,9	1,5	3
Chăm sóc ca cao + dứa						
Năm thứ hai	Urê	kg	180	54	90	180
	Lân Supe	kg	350	105	175	350
	Kali Clorua	kg	150	45	75	150
	Phân sinh học	lít	10	3	5	10
	Thuốc BVTV	kg/lít	3	0,9	1,5	3
Chăm sóc ca cao + dứa						
Năm thứ ba	Urê	kg	220	66	110	220
	Lân Supe	kg	480	144	240	480
	Kali Clorua	kg	200	60	100	200
	Phân sinh học	lít	15	4,5	7,5	15
	Thuốc BVTV	kg/lít	4	1,2	2	4

II/- PHẦN TRIỂN KHAI

Diễn giải	ĐV tính	Định mức	Ghi chú
Thời gian triển khai	năm	3	Cán bộ chỉ đạo không quá 9 tháng/năm
Tập huấn kỹ thuật (năm thứ nhất, hai)	lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
Tham quan, hội thảo (năm thứ ba)	lần	1	1 ngày
Tổng kết	lần	3	1 năm tổng kết 1 lần
Cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	5	